



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
(REE)**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính : VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		645.347.856.610	792.278.783.720
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	463.888.922.691	462.025.467.713
111	1. Tiền		34.288.922.691	21.725.467.713
112	2. Các khoản tương đương tiền		429.600.000.000	440.300.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10	125.785.986.780	252.055.394.285
121	1. Đầu tư ngắn hạn		211.592.355.030	342.723.106.627
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(85.806.368.250)	(90.667.712.342)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		41.467.117.322	52.514.049.246
131	1. Phải thu khách hàng		33.593.019.501	72.688.775.148
132	2. Trả trước cho người bán		19.980.375	-
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD		27.694.068.191	27.694.068.191
135	4. Các khoản phải thu khác	4	2.834.789.069	3.233.629.581
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(22.674.739.814)	(51.102.423.674)
140	IV. Hàng tồn kho	5	13.993.000.513	13.993.000.513
141	1. Hàng tồn kho		13.993.000.513	13.993.000.513
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		212.829.304	11.690.871.963
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	90.787.766
154	2. Thuế và các khoản phải thu NN		49.659.111	113.369.933
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		163.170.193	11.486.714.264
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.635.162.053.981	4.297.104.501.256
220	I. Tài sản cố định		15.557.486.052	17.073.491.971
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	5.175.528.873	5.718.293.161
222	Nguyên giá		19.252.034.845	19.252.034.845
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.076.505.972)	(13.533.741.684)
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	9.954.067.971	10.927.309.602
228	Nguyên giá		14.734.772.540	14.734.772.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.780.704.569)	(3.807.462.938)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	427.889.208	427.889.208
240	II. Bất động sản đầu tư	9	648.278.216.854	688.047.083.066
241	1. Nguyên giá		1.012.711.006.936	1.012.711.006.936
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(364.432.790.082)	(324.663.923.870)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	3.964.679.476.945	3.586.061.925.441
251	1. Đầu tư vào công ty con	10.1	1.136.900.449.099	517.752.272.525
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	10.2	2.123.687.098.051	2.297.510.708.221
258	3. Đầu tư dài hạn khác		777.829.485.795	844.975.129.605
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(73.737.556.000)	(74.176.184.910)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		6.646.874.130	5.922.000.778
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.646.874.130	5.922.000.778
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.280.509.910.591	5.089.383.284.976

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính : VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		457.519.959.851	514.327.739.381
310	I. Nợ ngắn hạn		119.360.692.913	181.616.842.830
311	1. Vay ngắn hạn	11	13.579.050.662	33.543.546.230
312	2. Phải trả người bán	12	42.479.980.814	34.642.713.559
313	3. Người mua trả tiền trước		5.727.901.844	19.761.834.238
314	4. Thuế phải nộp Nhà nước	13	17.502.625.138	7.096.451.880
315	5. Phải trả người lao động		-	745.780.000
316	6. Chi phí phải trả		7.864.910.908	2.098.184.741
319	7. Các khoản phải trả khác	14	30.811.012.878	82.375.864.673
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.395.210.669	1.352.467.509
330	II. Nợ dài hạn		338.159.266.938	332.710.896.551
333	1. Nợ dài hạn khác	15	99.321.031.049	94.942.627.481
334	2. Vay dài hạn	16	238.332.852.742	237.768.269.070
338	3. Doanh thu chưa thực hiện	16	505.383.147	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	4.822.989.950.740	4.575.055.545.595
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.822.989.950.740	4.575.055.545.595
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.656.515.390.000	2.636.863.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.002.650.096.786	1.002.650.096.786
414	3. Cổ phiếu quỹ		(31.342.660)	(31.342.660)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		62.722.670.000	62.722.670.000
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		138.256.803.252	106.682.216.755
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		962.876.333.362	766.168.054.714
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.280.509.910.591	5.089.383.284.976


Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập


Hồ Trần Diệu Linh
Kế Toán Trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN LẠNH
Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2014

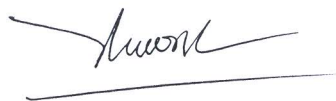
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

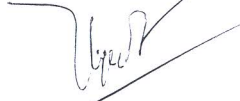
Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

ĐVT: VND

Mã Số	Diễn giải	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	156.530.572.688	172.298.516.947	425.419.021.227	407.733.095.379
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-		-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	156.530.572.688	172.298.516.947	425.419.021.227	407.733.095.379
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(72.361.879.301)	(93.280.504.743)	(182.352.850.403)	(171.905.966.396)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.168.693.387	79.018.012.204	243.066.170.824	235.827.128.983
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	230.137.393.591	118.649.104.479	455.758.741.190	383.363.966.469
22	7. Chi phí tài chính	19	(4.274.455.638)	(19.144.272.413)	(12.459.789.082)	(45.362.855.946)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(4.348.173.479)	(11.671.966.916)	(15.512.383.569)	(36.439.922.949)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(8.428.062.073)	(6.318.499.504)	537.912.572	(53.017.800.177)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		301.603.569.267	172.204.344.766	686.903.035.504	520.810.439.329
31	10. Thu nhập khác	20	764.419.910	1.471.230.897	54.991.055.938	2.666.604.671
32	11. Chi phí khác		-	-	-	-
40	12. Lợi nhuận khác		764.419.910	1.471.230.897	54.991.055.938	2.666.604.671
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		302.367.989.177	173.675.575.663	741.894.091.442	523.477.044.000
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(16.744.807.872)	(16.465.681.387)	(72.661.867.849)	(52.918.491.374)
	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	724.873.351	4.222.672.902
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		285.623.181.305	157.209.894.276	669.957.096.944	474.781.225.528



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập



Hồ Trần Diệu Lynh
Kế Toán Trưởng



CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN LẠNH

Nguyễn Thị Mân Thanh
Tổng Giám Đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Giải trình nguyên nhân biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp :

Về doanh thu :

Doanh thu thuần Quý III năm 2014 đạt 156,5 tỷ đồng giảm 16 tỷ đồng, tương ứng giảm 9,15% so với cùng kỳ năm 2013, chủ yếu là giảm doanh thu của hoạt động dịch vụ và cung cấp lắp đặt (M&E) từ 53,6 tỷ Quý III năm 2013 xuống còn 32,6 tỷ đồng trong Quý III năm 2014. Tuy nhiên, nguyên nhân chỉ là do hoạt động này đã được chuyển cho Công ty Con là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E từ năm 2002 (REE sở hữu 99,9% vốn điều lệ) nên doanh thu từ hoạt động này tại Công ty Mẹ sẽ diễn ra không đều đặn (chỉ phát sinh khi Công ty Mẹ phải ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng).

Về lợi nhuận :

Tổng lợi nhuận sau thuế Quý III năm 2014 đạt 285,6 tỷ đồng, tăng 128,4 tỷ đồng tương ứng tăng 81,6% so với cùng kỳ năm 2013, chủ yếu là do :

Doanh thu tài chính tăng từ 118,6 tỷ đồng trong Quý III năm 2013 lên 230 tỷ đồng trong Quý III năm 2014, tương ứng tăng 93,9%. Nguyên nhân là do trong quý III năm nay nhiều công ty liên kết và công ty con chia cổ tức hơn so với cùng thời điểm tương ứng năm trước.

Đồng thời trong kỳ chi phí lãi vay của Công ty giảm đáng kể, chỉ còn 4,3 tỷ trong khi cùng kỳ năm ngoái là 11,7 tỷ cũng góp phần làm tăng lợi nhuận tương ứng trong kết quả Quý III năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		741.894.091.442	523.477.044.000
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	7,8,10	41.284.872.131	41.484.724.771
03	Các khoản trích lập dự phòng		(33.727.656.862)	3.388.272.996
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		(101.731.675)	(68.225.768)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(449.741.654.084)	(381.615.387.669)
06	Chi phí lãi vay	20	15.512.383.569	36.439.922.949
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		315.120.304.521	223.106.351.279
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		49.675.063.949	(5.442.317.325)
11	(Tăng) giảm các khoản phải trả		(63.471.992.665)	29.679.979.851
13	Tiền lãi vay đã trả		(9.587.325.402)	(13.002.466.125)
14	Thuế TNDN đã nộp		(62.536.341.091)	(32.195.084.522)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.487.510.350	7.733.141.781
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.987.508.780)	(24.358.121.777)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		233.699.710.882	185.521.483.162
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		-	(1.550.060.488)
23	Tiền chi cho vay		-	(437.400.000.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư		-	756.400.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(521.747.373.040)	(406.548.570.752)
26	Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác		287.289.397.887	127.921.269.739
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		438.582.150.775	386.903.407.793
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		204.124.175.622	425.726.046.292
33	Tiền vay đã nhận		325.774.322.222	-
34	Tiền chi trả nợ vay		(345.174.234.118)	(27.254.874.317)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(416.783.315.760)	(386.656.334.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(436.183.227.656)	(413.911.209.117)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.640.658.848	197.336.320.337

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		462.025.467.713	400.384.783.064
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		222.796.130	137.393.684
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	463.888.922.691	597.858.497.085



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám Đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300741143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp được điều chỉnh mới nhất vào ngày 25 tháng 04 năm 2014. Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hòa không khí, phát triển, quản lý bất động sản, và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc và nguyên tắc dồn tích.

Ảnh hưởng của việc áp dụng các Chuẩn mực mới này được trình bày trong các chính sách kế toán dưới đây. Theo các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam thì các Chuẩn mực này được áp dụng kể từ năm hiện hành về sau, không có điều chỉnh cho niên độ trước.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo hoạt động kinh doanh.

Tài sản và công nợ bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo lãi lỗ.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

2.5 a Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 03 tháng) tính từ tháng 08 năm 2007.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm các tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính hàng năm như sau:

Nhà và vật kiến trúc	5-50 năm
Nhà xưởng và máy móc thiết bị	7 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3-5 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 b Ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là bất động sản gồm quyền sử dụng đất, nhà hoặc một phần của nhà và đất, cơ sở hạ tầng được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nhà và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị đi kèm	5 - 7 năm

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.6 Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu bao gồm chi phí mua trừ các khoản dự phòng thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

2.7 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thực hiện thuần là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể được bán trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm luân chuyển và khiếm khuyết.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu từ khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

2.9 Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và sẵn sàng đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty đã chuyển giao phần lớn những rủi ro, lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.

Doanh thu từ các hợp đồng cung cấp và lắp đặt

Doanh thu từ các hợp đồng cung cấp và lắp đặt được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm hợp đồng đã được hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối Kế toán.

Doanh thu từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("BCC")

Doanh thu được ghi nhận khi BCC công bố chia lãi cho các bên tham gia BCC.

Doanh thu từ cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê đã được nêu trong hợp đồng thuê văn phòng.

Doanh thu tài chính:

Doanh thu tài chính bao gồm các khoản tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi..., thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán (giá bán trừ giá mua), cổ tức và lợi nhuận được chia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

2.11 Chi phí thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên báo cáo hoạt động kinh doanh căn cứ vào thuế hiện hành. Thuế hiện hành là khoản thuế dự tính phải trả tính trên thu nhập chịu thuế cho năm có điều chỉnh cho thuế phải trả từ các năm trước.

2.12 Nguyên tắc ghi nhận công ty liên kết

Các bên được coi là liên kết nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định về tài chính hay hoạt động kinh doanh.

2.13 Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn không quá ba tháng mà có thể dễ dàng chuyển thành tiền và có rủi ro không đáng kể về việc thay đổi giá trị.

2.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của công ty sẽ được chia cho các cổ đông khi đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các qui định hiện hành tại Việt Nam. Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số ước tính về lợi nhuận trong năm. Cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong năm kế tiếp khi được cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	37.010.288	130.868.256
Tiền gửi ngân hàng	34.251.912.403	21.594.599.457
Các khoản tương đương tiền	429.600.000.000	440.300.000.000
TỔNG CỘNG	463.888.922.691	462.025.467.713

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng.

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi	899.758.334	1.452.546.466
Phải thu các bên có liên quan (<i>thuyết minh số 21</i>)	1.898.263.557	1.767.176.774
Phải thu khác	36.767.178	13.906.341
TỔNG CỘNG	2.834.789.069	3.233.629.581

5. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.958.905.172	13.958.905.172
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	34.095.341	34.095.341
TỔNG CỘNG	13.993.000.513	13.993.000.513

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa & vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	15.535.842.267	2.829.963.829	309.758.749	576.470.000	19.252.034.845
Số cuối kỳ	15.535.842.267	2.829.963.829	309.758.749	576.470.000	19.252.034.845
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	10.026.252.947	2.653.055.869	277.962.868	576.470.000	13.533.741.684
Khấu hao trong kỳ	357.917.645	176.631.030	8.215.613	-	542.764.288
Số cuối kỳ	10.384.170.592	2.829.686.899	286.178.481	576.470.000	14.076.505.972
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>5.509.589.320</u>	<u>176.907.960</u>	<u>31.795.881</u>	<u>-</u>	<u>5.718.293.161</u>
Số cuối kỳ	<u>5.151.671.675</u>	<u>276.930</u>	<u>23.580.268</u>	<u>-</u>	<u>5.175.528.873</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	11.592.038.449	3.142.734.091	14.734.772.540
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	11.592.038.449	3.142.734.091	14.734.772.540
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	1.884.296.896	1.923.166.042	3.807.462.938
Khấu hao trong kỳ	241.500.801	731.740.830	973.241.631
Số cuối kỳ	2.125.797.697	2.654.906.872	4.780.704.569
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>9.707.741.553</u>	<u>1.219.568.049</u>	<u>10.927.309.602</u>
Số cuối kỳ	<u>9.466.240.752</u>	<u>487.827.219</u>	<u>9.954.067.971</u>

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP	<u>427.889.208</u>	<u>427.889.208</u>
TỔNG CỘNG	<u>427.889.208</u>	<u>427.889.208</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Nhà cửa & vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc & thiết bị</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	774.201.284.293	237.873.019.188	90.250.454	546.453.001	1.012.711.006.936
Số cuối kỳ	<u>774.201.284.293</u>	<u>237.873.019.188</u>	<u>90.250.454</u>	<u>546.453.001</u>	<u>1.012.711.006.936</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	211.608.275.600	112.418.944.815	90.250.454	546.453.001	324.663.923.870
Khấu hao trong kỳ	23.638.531.725	16.130.334.487	-	-	39.768.866.212
Số cuối kỳ	<u>235.246.807.325</u>	<u>128.549.279.302</u>	<u>90.250.454</u>	<u>546.453.001</u>	<u>364.432.790.082</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	562.593.008.693	125.454.074.373	-	-	688.047.083.066
Số cuối kỳ	<u>538.954.476.968</u>	<u>109.323.739.886</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>648.278.216.854</u>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chứng khoán giao dịch	211.342.355.030	205.143.326.709
Ủy thác đầu tư	-	136.179.779.918
Đầu tư ngắn hạn khác	250.000.000	1.400.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(85.806.368.250)	(90.667.712.342)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn	<u>125.785.986.780</u>	<u>252.055.394.285</u>

Đầu tư dài hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 10.1</i>)	1.136.900.449.099	517.752.272.525
Đầu tư vào các công ty liên kết và các cty đồng kiểm soát (<i>Thuyết minh số 10.2</i>)	2.123.687.098.051	2.297.510.708.221
Đầu tư chứng khoán dài hạn khác	777.829.485.795	844.975.129.605
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(73.737.556.000)	(74.176.184.910)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn	<u>3.964.679.476.945</u>	<u>3.586.061.925.441</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

10.1 Đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
Công ty TNHH Quản Lý và Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	100,00	6.000.000.000	6.000.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Dịch vụ quản lý văn phòng
Trans Orient Pte Ltd.	100,00	5.841.857.500	5.841.857.500	Singapore	Kinh doanh và hậu cần
Công ty CP Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	99,99	149.997.353.000	149.997.353.000	TP.HCM - Việt Nam	Cơ điện
Công ty CP Điện Máy R.E.E	99,99	149.992.500.000	149.992.500.000	TP.HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Vĩnh Thịnh	99,96	5.128.562.025	5.128.562.025	TP.HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Bất Động Sản R.E.E	99,90	200.592.000.000	200.592.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Bất động sản
Công ty CP Đầu Tư Nước Sạch Việt Nam	99,97	200.000.000	200.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Cung cấp nước
Công ty CP Thủy Điện Thác Bà	58,14	619.148.176.574	-	Yên Bái – Việt Nam	Thủy điện
TỔNG CỘNG		<u>1.136.900.449.099</u>	<u>517.752.272.525</u>		

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

10.2 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty đồng kiểm soát

Tên công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Hoạt động kinh doanh
Công ty liên kết				
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	42,10	409.901.420.000	409.901.420.000	Cung cấp nước
Công ty ĐT Hạ Tầng BĐS Việt Nam	46,37	170.195.680.000	170.195.680.000	Bất động sản
Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn	28,87	54.457.202.000	54.457.202.000	Bất động sản
Công ty CP Thủy Điện Thác Bà		-	223.379.420.325	Thủy điện
Công ty CP Thủy Điện Thác Mơ	39,02	306.317.903.232	276.730.483.765	Sản xuất điện
Công ty CP Nhiệt Điện Ninh Bình	24,61	55.515.588.342	55.515.588.342	Sản xuất điện
Cty CP ĐTKD Nước Sạch Sài Gòn	30,00	45.000.000.000	45.000.000.000	Cung cấp nước
Công ty CP Than Núi Béo	23,81	59.389.030.169	58.880.268.169	Sản xuất than
Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại	22,37	719.898.599.438	719.898.599.438	Sản xuất điện
Công ty CP Than Đèo Nai	24,01	46.029.841.350	46.029.841.350	Sản xuất than
Cty CP Thủy Điện Srok Phu Miêng	34,30	173.265.171.175	171.263.421.175	Sản xuất điện
Công ty CP Cấp Nước Thủ Đức	43,11	66.116.662.345	66.010.670.705	Cung cấp nước
Công ty CPĐT Nước Tân Hiệp	32,00	17.600.000.000	-	Cung cấp nước
Công ty đồng kiểm soát				
Liên Doanh 41B Lý Thái Tổ – Hà Nội		-	248.112.952	Bất động sản
TỔNG CỘNG		2.123.687.098.051	2.297.510.708.221	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

11. VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.579.050.662	33.543.546.230
TỔNG CỘNG	13.579.050.662	33.543.546.230

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN, CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho nhà cung cấp	2.051.952.131	758.786.877
Phải trả các bên có liên quan (thuyết minh số 21)	40.428.028.683	33.883.926.682
TỔNG CỘNG	42.479.980.814	34.642.713.559

13. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.972.130.958	6.846.604.200
Thuế thu nhập cá nhân	127.495.473	249.847.680
Các khoản phải nộp khác	402.998.707	-
TỔNG CỘNG	17.502.625.138	7.096.451.880

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thưởng hiệu quả công việc	-	52.351.701.802
Phải trả mua chứng khoán	-	1.384.577.000
Cổ tức phải trả	17.672.823.216	12.562.318.176
Các khoản phải trả khác cho các bên có liên quan (thuyết minh số 21)	3.082.615.060	5.267.030.681
Lãi trái phiếu phải trả	3.158.332.000	3.000.000.000
Các khoản phải trả khác	6.897.242.602	7.810.237.014
TỔNG CỘNG	30.811.012.878	82.375.864.673

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

- * Các khoản phải trả dài hạn khác chủ yếu thể hiện số tiền đặt cọc đã thu của khách thuê văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Công ty có các khoản vay sau đây nhằm mục đích tài trợ cho việc xây dựng văn phòng cho thuê.

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	251.911.903.404	271.311.815.300
<i>Trong đó : Trái phiếu chuyển đổi (*)</i>	138.900.000.000	138.900.000.000
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (**)</i>	13.579.050.662	33.543.546.230
<i>Nợ dài hạn (**)</i>	99.432.852.742	98.868.269.070

(*) Trái phiếu chuyển đổi:

Theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị 10/2012/HĐQT-NQ-REE ngày 14 tháng 11 năm 2012 và sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước trong Công văn 4963/UBCK-QLPH ngày 7 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 557.846 trái phiếu chuyển đổi thời hạn 3 năm với tổng mệnh giá là 557.846.000.000 VNĐ cho công ty TNHH Platinum Victory với lãi suất trái phiếu trả sau là 6%/năm. Trái phiếu sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu khi tỷ lệ sở hữu ("room") của nhà đầu tư nước ngoài của cổ phiếu REE còn ở mức giới hạn cho phép. Giá chuyển đổi là 22.000 VNĐ trên mỗi cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh theo như thỏa thuận đăng ký chuyển đổi trái phiếu.

Theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị 20/2013/HĐQT-NQ-REE ngày 19 tháng 12 năm 2013 Công ty đã thực hiện phát hành thêm 19.043.000 cổ phiếu mới với mức giá 22.000 VNĐ/ cổ phiếu để chuyển đổi 418.946 trong tổng số 557.846 trái phiếu chuyển đổi. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 2.446.433.850.000 VNĐ lên 2.636.863.850.000 VNĐ và số lượng cổ phiếu tăng từ 244.643.385 lên 263.686.385 cổ phiếu.

(**) Chi tiết vay dài hạn như sau:

Khoản tín dụng số	Số cuối kỳ (VNĐ)	Ngày đến hạn	Lãi suất	Mô tả tài sản thế chấp
Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia, Chi nhánh Hồ Chí Minh				
HĐTD500112036 /FL-CBAVN (VNĐ)(i)	47.337.581.182	Ngày 7 tháng 3 năm 2017	6,1%/năm	Tài sản tại địa chỉ số 180 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC				
HĐTD / VNM140408CM (VNĐ) (ii)	65.647.322.222	Ngày 25 tháng 8 năm 2019	5,9%/năm	Tài sản tại địa chỉ số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG	113.011.903.404			

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

- (i) Ngày 3 tháng 3 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia (“CBA”)– Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 73 tỷ đồng Việt Nam để tài trợ cho việc xây dựng Tòa nhà Ree-Tower tại số 9, Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Kỳ hạn vay là 60 tháng tính từ ngày rút vốn đầu tiên, tức ngày 7 tháng 3 năm 2012. Khoản vay được trả hàng quý theo kế hoạch trả nợ được CBA duyệt và được gửi sau thời gian ân hạn 12 tháng tính từ thời điểm đợt rút vốn đầu tiên hết hạn. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản tại địa chỉ số 180 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có giá trị là 9.437.896.861 đồng Việt Nam. Lãi suất vay tương đương với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng do CBA niêm yết cộng 2,5%/năm.
- (ii) Ngày 21 tháng 7 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) để tài trợ nguồn vốn vay cho Công ty, trong đó khoản vay đã được giải ngân trên nhằm mục đích thanh toán khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam mà Công ty đã vay trước đó để xây dựng Tòa nhà REE Tower tại số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Kỳ hạn vay là 60 tháng tính từ ngày rút vốn đầu tiên, tức ngày 25 tháng 8 năm 2014. Khoản vay được trả mỗi 06 tháng 01 lần bắt đầu vào ngày đầu tiên của tháng thứ mười ba kể từ ngày rút vốn lần đầu. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản tại địa chỉ số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Lãi suất vay là tổng của lãi suất 0,5% (Lãi biên) và Lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn tương ứng với kỳ xác định lãi suất (được Công ty xác định khi rút vốn) của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính : VNĐ</i>						
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu ngân quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư & phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước							
Số đầu năm	2.446.433.850.000	774.134.096.786	(31.342.660)	62.722.670.000	75.573.265.871	574.673.797.960	3.933.506.337.957
Tăng vốn năm trước	190.430.000.000	228.516.000.000	-	-	-	-	418.946.000.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	633.569.080.111	633.569.080.111
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(391.425.020.800)	(391.425.020.800)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	31.108.950.884	(31.108.950.884)	-
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.540.851.673)	(19.540.851.673)
Số cuối năm	2.636.863.850.000	1.002.650.096.786	(31.342.660)	62.722.670.000	106.682.216.755	766.168.054.714	4.575.055.545.595
Năm nay							
Số đầu năm	2.636.863.850.000	1.002.650.096.786	(31.342.660)	62.722.670.000	106.682.216.755	766.168.054.714	4.575.055.545.595
Phát hành cổ phiếu ESOP	19.651.540.000	-	-	-	-	-	19.651.540.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	669.957.096.944	669.957.096.944
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(421.893.820.800)	(421.893.820.800)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	31.574.586.497	(31.574.586.497)	-
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.780.411.000)	(19.780.411.000)
Số cuối kỳ	2.656.515.390.000	1.002.650.096.786	(31.342.660)	62.722.670.000	138.256.803.252	962.876.333.362	4.822.989.950.740

(*) Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty tổ chức Đại hội Cổ đông Thường niên và quyết định chi trả cổ tức 16% bằng tiền (tương đương 1.600VNĐ/ CP) từ kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Số tiền cổ tức 421.893.820.800 đồng đã được thanh toán cho cổ đông vào ngày 31/03/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

18. DOANH THU**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý III năm 2014</i>	<i>Quý III năm 2013</i>
Tổng doanh thu	156,530,572,688	172,298,516,947
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	123,838,300,421	118,656,543,439
<i>Doanh thu từ dịch vụ cung cấp & lắp đặt</i>	32,692,272,267	53,641,973,508

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý III năm 2014</i>	<i>Quý III năm 2013</i>
Cổ tức được chia	226.300.578.881	107.888.435.300
Lãi tiền gửi	3.833.144.853	10.745.357.164
Lãi chênh lệch tỷ giá	<u>3.669.857</u>	<u>15.312.015</u>
TỔNG CỘNG	<u>230.137.393.591</u>	<u>118.649.104.479</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính : VND</i>	
	<i>Quý III năm 2014</i>	<i>Quý III năm 2013</i>
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	(371.548.629)	7.346.403.099
Chi phí lãi vay	4.348.173.479	11.671.966.916
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	82.965.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá	279.469.176	7.302.586
Chi phí tài chính khác	<u>18.361.612</u>	<u>35.634.678</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.274.455.638</u>	<u>19.144.272.413</u>

20. THU NHẬP KHÁC

	<i>Đơn vị tính : VND</i>	
	<i>Quý III năm 2014</i>	<i>Quý III năm 2013</i>
Thu nhập khác	<u>764.419.910</u>	<u>1.471.230.897</u>
TỔNG CỘNG	<u>764.419.910</u>	<u>1.471.230.897</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

21. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty.

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
Công ty Cổ phần Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê Chi phí dịch vụ Thu nhập cổ tức	456.117.158 (32.692.272.267) 80.554.404.010
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê Phí quản lý	469.990.618 (450.000)
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê Phí quản lý	7.698.768.181 (13.450.595.291)
Công ty Cổ phần Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê	8.921.221
Transorient PTE., LTD	Công ty con	Thu nhập cổ tức	3.373.291.871
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Thác Mơ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	54.630.220.000
Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	49.809.949.000
Công ty Cổ Phần BOO Nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	33.747.114.000
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Srok Phu Miêng	Công ty liên kết	Góp vốn	(250.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	<u>2.748.288.582</u>
<i>Phải thu khác</i>			
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ & kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	86.205.565
Công ty Cổ Phần Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	2.594.705
Công ty Cổ Phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	30.495.109
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	1.778.968.178
TỔNG CỘNG			<u>1.898.263.557</u>

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ & kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ lắp đặt	(37.010.680.524)
Công ty Cổ Phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Phí dịch vụ quản lý	(495.000)
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí dịch vụ quản lý	<u>(3.416.853.159)</u>
TỔNG CỘNG			<u>(40.428.028.683)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>
<i>Phải trả khác</i>			
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí dịch vụ quản lý	(3.082.615.060)

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính năm này.

Báo cáo tài chính Quý III năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014 đã được Ban Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 30 tháng 10 năm 2014.



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2014

